

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-8-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Nô E, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Hẻm 807/20 đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 7, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Thân Trọng H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Hẻm 807/20 đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 13-7-2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Nô E trình bày:

Chị và anh Thân Trọng H tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 06-8-2015.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong mọi việc. Trong quá

trình chung sống, anh H thường xuyên ghen tuông và đánh đập chị nhiều lần, hàng xóm và chính quyền địa phương đều biết; lúc chị đang có thai, anh H đánh chị đến nỗi không giữ được đứa con đầu lòng. Hiện tại đời sống chung vợ chồng không thể hòa hợp, bản thân chị nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Chị và anh H đã sống ly thân từ ngày 10-5-2019 cho đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thân Trọng H.

Chị và anh Thân Trọng H có một con chung là cháu Thân Trọng H1, sinh ngày 08-7-2016. Trước đây, con ở chung với chị, chị chăm sóc con từ nhỏ cho đến lớn; khoảng 2 tháng gần đây, do đi làm ăn xa nên chị giao con cho anh H nuôi dưỡng. Thời gian gần đây, chị xuống thăm con thì anh H và mẹ anh H cản trở không cho chị gặp con, chị có đến trường thăm con nhưng các giáo viên không cho gặp. Anh H đã thay tất cả các ổ khóa và khóa cổng nhà nên chị không thể vào nhà thăm con được. Sau phiên hòa giải ngày 05-8-2020, anh H đã cho chị đón cháu H1 về Kon Tum thăm ông bà ngoại và hiện nay cháu H1 đang được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Vì cháu H1 đang còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ, nên khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H1.

Chị không yêu cầu anh Thân Trọng H phải cấp dưỡng cho con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

2. Tại bản khai ngày 21-7-2020 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Thân Trọng H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Nô E tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 06-8-2015.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Nô E hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai không hiểu, không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng. Trong quá trình chung sống, chị Nô E thường xuyên đi chơi, uống rượu bia không chăm lo cho con nên anh có đánh chị Nô E vài lần. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, dẫn đến việc cả hai sống ly thân với nhau từ ngày 10-5-2019 cho đến nay. Hiện tại bản thân anh cũng không còn tình cảm thương yêu chị Nô E nên anh đồng ý ly hôn với chị Nô E.

Chị Nô E trình bày rằng lúc chị Nô E đang có thai, anh đánh chị đến nỗi không giữ được đứa con đầu lòng là không đúng sự thật, do lúc có thai chị Nô E uống nhiều rượu bia nên không giữ được con.

Anh và chị Phạm Thị Nô E có một con chung là cháu Thân Trọng H1, sinh ngày 08-7-2016. Từ khi sinh con ra đến nay, anh vẫn chăm sóc con, anh đi làm kiếm tiền về chăm lo cho con; khi con còn nhỏ chị Nô E bế con đi uống cà phê từ

sáng đến trưa, không chăm lo cho con chu đáo. Từ ngày 10-5-2019, chị Nô E trông nom, nuôi dưỡng cháu H1; ngày 04-5-2020 chị Nô E giao con cho anh, anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngày 08-7-2020, chị Nô E đến nhà thăm con nhưng anh sợ chị Nô E dẫn con đi nên anh không cho chị Nô E vào nhà để thăm con, anh không có thay chìa khóa nhà. Nay, chị Nô E muốn đến thăm con, anh không cản trở nhưng với điều kiện chỉ được thăm con tại nhà và không được dẫn con đi đâu. Sau phiên hòa giải ngày 05-8-2020, anh đã cho chị Nô E thăm nom con nhưng chị Nô E đã dẫn con về Kon Tum mà không thông báo cho anh biết và hiện nay cháu H1 đang được chị Nô E trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì chị Nô E đi làm ăn xa và không có nơi ở ổn định; để bảo đảm quyền lợi cho con nên khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Anh không yêu cầu chị Nô E phải cấp dưỡng cho con.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị Nô E làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với anh Thân Trọng H và tranh chấp về nuôi con. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Nô E đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Anh Thân Trọng H cư trú tại thành phố P nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Nô E và anh Thân Trọng H đăng ký kết hôn ngày 06-8-2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, anh chị đã sống ly thân từ ngày 10-5-2019 đến nay. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của chị Phạm Thị Nô E về việc ly hôn anh Thân Trọng H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con: Chị Phạm Thị Nô E và anh Thân Trọng H có một con chung là cháu Thân Trọng H1, sinh ngày 08-7-2016.

Các đương sự đều mong muốn và có yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn. Sự mong muốn và yêu cầu đó của chị Nô E và anh H là hoàn toàn chính đáng; các

đương sự đều có đủ khả năng, điều kiện để nuôi dưỡng con, đảm bảo được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con. Tuy nhiên, từ lúc sinh ra cho đến nay, chị Nô E là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Hiếu và cháu Hiếu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để bảo đảm được cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hiếu cho chị Nô E được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị Nô E không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Phạm Thị Nô E và anh Thân Trọng H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Nô E là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Nô E.

Chị Phạm Thị Nô E được ly hôn anh Thân Trọng H.

2. Giao cháu Thân Trọng H1, sinh ngày 08-7-2016 cho chị Phạm Thị Nô E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Nô E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005261 ngày 20-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Phạm Thị Nô E đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (GCNKH số 62, quyền số 01 ngày 06-8-2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền